TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2020
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khưu Bình Trí;

2. Ông Phan Phước Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 626, đường T, khóm VC 2, phường VN, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 13, ấp VL, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Dương Thị D; trình bày của ông Nguyễn Thanh V cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V tự tìm hiểu, quen biết nhau, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/HT, quyển số 01/2014 ngày 23/01/2014.

Quá trình chung sống, thời gian đầu bà D và ông V chung sống với nhau hạnh phúc. Cả hai chung sống cùng với cha mẹ ruột của bà D. Cuối năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông V trở về nhà cha mẹ ruột của ông V sinh sống và cả hai sống ly thân nhau kể từ thời điểm đó cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông V và ông V cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông V có được 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/5/2014. Hiện nay, Triết chung đang sinh sống cùng bà D.

Bà D và ông V cùng thống nhất để bà D được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông V không phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông V thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do D cung cấp: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Võ Thị S; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Thị D; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 07/HT, quyển số 01/2014 ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú; bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thanh T.

Ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh V và tình trạng hôn nhân của bà D và ông V.

Theo biên bản xác minh ngày 16/3/2020, Công an xã VH, huyện An Phú cho biết: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1984, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 13, ấp VL, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Kể từ thời điểm trước Tết cho đến nay, ông V thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Theo biên bản xác minh ngày 16/3/2020, đại diện Ban ấp VL, xã VH, huyện An Phú cho biết: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1984 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 13, ấp VL, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi lập gia đình thì ông V sinh sống ở gia đình bên vợ tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Cha mẹ ông V thì thường xuyên sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, thời gian gần đây thì ông V thường xuyên trở về địa phương sinh sống.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V đều đề nghị xét xử vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được công bố tại phiên tòa, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V đã đến mức trầm trọng, các bên đã thống nhất ly hôn và đã thỏa thuận việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V đều vắng mặt không lý do. Bà D có yêu cầu không hòa giải, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải là phù hợp quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo đúng quy định của pháp luật. Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V cùng có yêu cầu không tham gia phiên tòa, bảo lưu ý kiến trình bày và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/HT, quyển số 01/2014 ngày 23/01/2014. Bị đơn ông Nguyễn Thanh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 13, ấp VL, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V cùng cho rằng, từ cuối năm 2019 thì bà D và ông V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Kể từ thời điểm đó thì ông V trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Lời trình bày của bà D và ông V phù hợp với biên bản xác minh ngày 16/3/2020 tại Công an xã VH và Ban ấp VL, xã VH. Qua đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đều có nguyên vọng được ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông V có được 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/5/2014. Hiện nay, con chung đang sinh sống cùng bà D.

Bà D và ông V cùng thống nhất để bà D được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông V không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung sau ly hôn giữa các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà Dương Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57,, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Dương Thị D,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung: Bà Dương Thị D được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 14/5/2014. Công nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Dương Thị D cùng các thành viên trong gia đình bà D không ai được cản trở ông Nguyễn Thanh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Dương Thị D phải chịu *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Dương Thị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0011670 ngày 04/12/2019.

Ông Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà D Thị D và ông Nguyễn Thanh V. Thời hạn kháng cáo của bà D và ông V là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/HT, quyển số 01/2014 ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú cấp cho bà Dương Thị D và ông Nguyễn Thanh V không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã VH (01);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu